

Bản án số: 119/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 12- 9 - 2024.

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Hiệp.

Ông Bùi Anh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoàng Bửu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 212/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Quốc H, sinh năm 1993 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 65/3R ấp M, xã T, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Thu S, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 3 năm 2024, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn ông Lê Quốc H trình bày: Ông Lê Quốc H và bà Trần Thị Thu S kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Cách nay hai năm thì vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, hôn nhân không hàn gắn được nên ông H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà Trần Thị Thu S.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn bà Trần Thị Thu S: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho bà Trần Thị Thu S theo

quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bà S không liên lạc với Tòa án, không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Lê Quốc H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn bà Trần Thị Thu S đã được tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng bà S vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên.

Về nội Dung:

[2] Ông Lê Quốc H và bà Trần Thị Thu S, đăng ký kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh, đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 9 ngày 25/01/2018. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông Lê Quốc H và bà Trần Thị Thu S là hôn nhân hợp pháp. Khi thụ lý vụ án, Tòa án thông báo cho bà Trần Thị Thu S về việc thụ lý vụ án theo thông báo số 101/TB-TLVA ngày 01/4/2024, nhưng bà S vẫn không liên hệ đến tòa án, không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của ông H. Nay ông H giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà S. Xét thấy, ông Lê Quốc H và bà Trần Thị Thu S không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, nếu tiếp tục kéo dài hôn nhân sẽ không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân giữa ông Lê Quốc H và bà Trần Thị Thu S không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lê Quốc H.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống ông Lê Quốc H và bà Trần Thị Thu S không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Ông Lê Quốc H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004583 ngày 27/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M. Như vậy, ông H đã thực hiện xong.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Quốc H được quyền ly hôn với bà Trần Thị Thu S.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Ông Lê Quốc H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004583 ngày 27/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M. Như vậy, ông H đã thực hiện xong.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện M;
- Các đương sự;
- UBND xã X, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THA dân sự huyện M;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ái Mỹ